

BỘ GIÁO DỤC VÀ
ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 51/2007/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 31 tháng 8 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
ban hành Điều lệ trường tiểu học

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học,

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 22/2000/QĐ-BGD&ĐT ngày 11/7/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ trường tiểu học.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Tiểu học, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUYẾT ĐỊNH:

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ trường tiểu học.

Đặng Huỳnh Mai

ĐIỀU LỆ**trường tiểu học**

(ban hành kèm theo Quyết định số 51/2007/QĐ-BGDĐT ngày 31 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Điều lệ này quy định tổ chức và hoạt động của trường tiểu học bao gồm: tổ chức và quản lý nhà trường; chương trình và các hoạt động giáo dục; giáo viên; học sinh; tài sản của nhà trường; nhà trường, gia đình và xã hội.

2. Điều lệ này áp dụng cho trường tiểu học; lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt; cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học; tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động giáo dục cấp tiểu học.

Điều 2. Vị trí của trường tiểu học

Trường tiểu học là cơ sở giáo dục phổ thông của hệ thống giáo dục quốc dân, có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

Điều 3. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học

1. Tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng theo mục tiêu, chương trình giáo dục tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động trẻ em tàn tật, khuyết tật, trẻ em đã bỏ học đến trường, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục và chống mù chữ trong cộng đồng. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền. Tổ chức kiểm tra và công nhận hoàn thành chương trình tiểu học của học sinh trong nhà trường và trẻ em trong địa bàn quản lý của trường.

3. Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

4. Quản lý, sử dụng đất đai, cơ sở vật chất, trang thiết bị và tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Phối hợp với gia đình, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện hoạt động giáo dục.

6. Tổ chức cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh tham gia các hoạt động xã hội trong cộng đồng.

7. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trường tiểu học, lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học

1. Trường tiểu học được tổ chức theo hai loại hình: công lập và tư thục.

a) Trường tiểu học công lập do Nhà nước thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bảo đảm kinh phí cho các nhiệm vụ chi thường xuyên;

b) Trường tiểu học tư thục do các tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế hoặc cá nhân thành lập, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và bảo đảm kinh phí hoạt động bằng vốn ngoài ngân sách nhà nước.

2. Lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học và trường chuyên biệt, gồm:

a) Lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học;

b) Lớp tiểu học trong trường phổ thông dân tộc bán trú;

c) Lớp tiểu học trong trường dành cho trẻ em tàn tật, khuyết tật;

d) Lớp tiểu học trong trường giáo dưỡng; trung tâm học tập cộng đồng và trường, lớp tiểu học thực hành trong trường sư phạm.

3. Cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, gồm: lớp dành cho trẻ em vì hoàn cảnh khó khăn không được đi học ở nhà trường, lớp dành cho trẻ tàn tật, khuyết tật.

Điều 5. Tên trường, biển tên trường

1. Tên trường được quy định như sau: trường tiểu học và tên riêng của trường, không ghi loại hình trường công lập hay tư thục. Tên trường được ghi trên quyết định thành lập trường, con dấu, biển trường và các giấy tờ giao dịch.

2. Biển tên trường:

a) Góc trên bên trái:

- Dòng thứ nhất: Ủy ban nhân dân huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh) và tên huyện (quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh);

- Dòng thứ hai: Phòng giáo dục và đào tạo.

b) Ở giữa: ghi tên trường theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Điều lệ này;

c) Cuối cùng: ghi địa chỉ, số điện thoại của trường.

Điều 6. Phân cấp quản lý

1. Trường tiểu học do Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (sau đây gọi chung là cấp huyện) quản lý.

2. Các lớp tiểu học, cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 4 của Điều lệ này do cấp có thẩm quyền thành lập quản lý.

3. Phòng giáo dục và đào tạo thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với mọi loại hình trường, lớp tiểu học và các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học trên địa bàn.

Điều 7. Tổ chức và hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh tàn tật, khuyết tật trong trường tiểu học

Tổ chức và hoạt động giáo dục hòa nhập cho học sinh tàn tật, khuyết tật trong trường tiểu học tuân theo các quy định của Điều lệ này và Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 8. Tổ chức và hoạt động của các lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học, trường chuyên biệt, trường tư thục

1. Tổ chức và hoạt động của các lớp tiểu học trong trường phổ thông có nhiều cấp học thực hiện các quy định của Điều lệ này và Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.

2. Tổ chức và hoạt động của các lớp tiểu học trong trường chuyên biệt, trường tư thục thực hiện các quy định của Điều lệ này và Quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt, Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tư thục thuộc các cấp học phổ thông.

Chương II TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

Điều 9. Điều kiện thành lập trường tiểu học

Trường tiểu học được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập khi đảm bảo các điều kiện sau:

1. Phù hợp với quy hoạch mạng lưới trường học, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, tạo thuận lợi cho trẻ em đến trường nhằm đảm bảo thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học.

2. Có đủ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên theo tiêu chuẩn quy định tại

các Điều 17, Điều 18 và Điều 33 của Điều lệ này.

3. Có cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định tại Chương VI của Điều lệ này.

Điều 10. Thẩm quyền thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập đối với trường tiểu học công lập và cho phép thành lập đối với trường tiểu học tư thục.

Điều 11. Hồ sơ và thủ tục thành lập trường tiểu học

1. Hồ sơ đề nghị thành lập hoặc cho phép thành lập trường gồm:

- a) Đề án thành lập trường;
- b) Tờ trình về Đề án thành lập trường, dự thảo Quyết định thành lập trường, dự thảo Điều lệ hoặc Quy chế hoạt động của trường;
- c) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan về việc thành lập trường;
- d) Báo cáo giải trình việc tiếp thu ý kiến của các cơ quan có liên quan và báo cáo bổ sung theo ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân cấp huyện (nếu có);
- đ) Sơ yếu lý lịch kèm theo bản sao

văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến làm Hiệu trưởng.

2. Thủ tục thành lập trường:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) đối với trường tiểu học công lập, tổ chức hoặc cá nhân đối với trường tiểu học tư thục có trách nhiệm lập hồ sơ theo quy định tại khoản 1 của Điều này;

b) Phòng giáo dục và đào tạo nhận hồ sơ, xem xét điều kiện thành lập trường theo quy định tại Điều 9 của Điều lệ này. Sau khi xem xét, nếu thấy đủ điều kiện, phòng giáo dục và đào tạo có ý kiến bằng văn bản và gửi hồ sơ đề nghị thành lập trường đến Ủy ban nhân dân cấp huyện;

c) Trong thời hạn 50 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập trường đối với trường công lập hoặc cho phép thành lập trường đối với trường tư thục theo quy định.

Trường hợp chưa quyết định thành lập trường hoặc chưa cho phép thành lập trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản thông báo cho phòng giáo dục và đào tạo biết rõ lý do và hướng giải quyết.

Điều 12. Sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường tiểu học

1. Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học:

a) Việc sáp nhập, chia, tách trường tiểu học phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Vì quyền lợi học tập của học sinh;
- Phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục;
- Đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;
- Bảo đảm quyền lợi của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên;
- Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định sáp nhập, chia, tách trường tiểu học.

c) Trình tự, thủ tục sáp nhập, chia, tách trường tiểu học để thành lập trường tiểu học mới được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

2. Đình chỉ hoạt động trường tiểu học:

a) Việc đình chỉ hoạt động của trường tiểu học được thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Ảnh hưởng đến tính mạng của học sinh và cán bộ giáo viên của nhà trường;
- Vi phạm các quy định về xử phạt vi

phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục ở mức độ phải đình chỉ;

- Không bảo đảm hoạt động bình thường của trường tiểu học.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đình chỉ hoạt động của trường tiểu học. Trong quyết định đình chỉ hoạt động của trường tiểu học phải xác định rõ lý do đình chỉ hoạt động, quy định rõ thời gian đình chỉ, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Quyết định đình chỉ hoạt động của trường tiểu học phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

c) Trình tự, thủ tục đình chỉ hoạt động hoặc cho phép hoạt động trở lại đối với trường tiểu học:

- Ủy ban nhân dân cấp xã lập biên bản gửi phòng giáo dục và đào tạo về việc trường tiểu học vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 của Điều lệ này;

- Phòng giáo dục và đào tạo tổ chức kiểm tra, xác nhận lý do đình chỉ hoạt động đối với trường tiểu học và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định;

- Sau thời gian đình chỉ, nếu các nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ được khắc phục thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ vào biên bản xác nhận của các cơ quan chức năng để xem xét, quyết định cho phép trường tiểu học hoạt động trở lại.

3. Giải thể trường tiểu học:

a) Trường tiểu học bị giải thể khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- Vi phạm nghiêm trọng các quy định về quản lý, tổ chức, hoạt động của trường tiểu học; ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng giáo dục;

- Hết thời gian đình chỉ mà không khắc phục được nguyên nhân dẫn đến việc đình chỉ;

- Mục tiêu và nội dung hoạt động ghi trong quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học không còn phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

- Theo đề nghị chính đáng của tổ chức, cá nhân thành lập trường tiểu học.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể hoặc cho phép giải thể trường tiểu học. Trong quyết định giải thể phải ghi rõ lý do giải thể, các biện pháp bảo đảm quyền lợi của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học

sinh. Quyết định giải thể trường tiểu học phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng.

4. Hồ sơ sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường tiểu học bao gồm:

a) Đề án về sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể;

b) Tờ trình về đề án về sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể và dự thảo Quyết định về sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể;

c) Các văn bản xác nhận về tài chính, tài sản, đất đai, các khoản vay, nợ phải trả và các vấn đề khác có liên quan;

d) Ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.

Việc gửi hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ, xử lý hồ sơ, thẩm định, thẩm tra về thủ tục và hồ sơ, thời hạn giải quyết về sáp nhập, chia, tách, đình chỉ hoạt động, giải thể trường tiểu học được thực hiện như đối với việc thành lập trường tiểu học.

Điều 13. Điều kiện và thủ tục đăng ký thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học

1. Tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học được cấp có

thẩm quyền cho phép thành lập khi đảm bảo các điều kiện sau:

a) Hỗ trợ yêu cầu phổ cập giáo dục tiểu học của địa phương;

b) Được một trường tiểu học nhận bảo trợ và quản lý về các hoạt động giáo dục quy định tại Điều 24, Điều 26, Điều 27, Điều 28 của Điều lệ này;

c) Có giáo viên theo tiêu chuẩn quy định tại Điều 33 của Điều lệ này;

d) Có phòng học theo quy định tại Điều 43 của Điều lệ này.

2. Thủ tục đăng ký thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học:

a) Tổ chức, cá nhân có hồ sơ đăng ký với Ủy ban nhân dân cấp xã, gồm: tờ trình đề nghị thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học kèm theo bản sao văn bằng, chứng chỉ hợp lệ của người dự kiến phụ trách cơ sở giáo dục đó, văn bản nhận bảo trợ và quản lý của một trường tiểu học cùng địa bàn trong huyện;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ, xem xét, có văn bản cho phép thành lập cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học. Việc cho phép thành lập hoặc không cho phép thành lập phải được trả lời bằng văn bản,

trong thời hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

Điều 14. Lớp học, tổ học sinh, khối lớp học, điểm trường

1. Học sinh được tổ chức theo lớp học. Lớp học có lớp trưởng, một hoặc hai lớp phó do tập thể học sinh bầu ra hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học. Mỗi lớp học có không quá 35 học sinh.

Mỗi lớp học có một giáo viên chủ nhiệm phụ trách giảng dạy một hoặc nhiều môn học. Đối với trường tiểu học dạy 1 buổi trong ngày được bố trí biên chế bình quân không quá 1,20 giáo viên trên một lớp; đối với trường tiểu học dạy học 2 buổi/ngày được bố trí biên chế bình quân không quá 1,50 giáo viên trên một lớp. Trường tiểu học dạy học 2 buổi/ngày phải có giáo viên chuyên trách đối với các môn Mĩ thuật, Âm nhạc, Thể dục và môn học tự chọn.

Ở những địa bàn đặc biệt khó khăn có thể tổ chức lớp ghép nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho học sinh đi học. Mỗi lớp ghép không quá 15 học sinh và không quá hai trình độ. Trường hợp đặc biệt khó khăn có thể ghép 3 trình độ nhưng mỗi lớp không quá 10 học sinh.

2. Mỗi lớp học được chia thành nhiều tổ học sinh. Mỗi tổ có tổ trưởng, tổ phó

do học sinh trong tổ bầu ra hoặc do giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định luân phiên trong năm học.

3. Mỗi trường tiểu học có không quá 30 lớp học. Đối với những lớp cùng trình độ được lập thành khối lớp để phối hợp các hoạt động chung.

4. Tùy theo điều kiện ở địa phương, trường tiểu học có thể có thêm điểm trường ở những địa bàn khác nhau để thuận lợi cho trẻ đến trường. Hiệu trưởng phân công một Phó Hiệu trưởng hoặc một giáo viên chủ nhiệm lớp phụ trách điểm trường. Đối với những trường có từ 3 điểm trường trở lên, Hiệu trưởng làm tờ trình gửi cấp có thẩm quyền đề nghị chia, tách để thành lập trường mới. Việc chia, tách để thành lập trường mới được quy định tại Điều 10, Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

Điều 15. Tổ chuyên môn

1. Tổ chuyên môn bao gồm giáo viên, viên chức làm công tác thư viện, thiết bị giáo dục. Mỗi tổ có ít nhất 5 thành viên. Tổ chuyên môn có tổ trưởng, tổ phó.

2. Nhiệm vụ của tổ chuyên môn:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm học nhằm thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác;

b) Thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý sử dụng sách, thiết bị của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;

c) Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên tiểu học và giới thiệu tổ trưởng, tổ phó.

3. Tổ chuyên môn sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần.

Điều 16. Tổ văn phòng

1. Mỗi trường tiểu học có một tổ văn phòng gồm các viên chức làm công tác y tế trường học, văn thư, kế toán, thủ quỹ và nhân viên khác. Tổ văn phòng có tổ trưởng, tổ phó.

2. Nhiệm vụ của tổ văn phòng:

a) Xây dựng kế hoạch hoạt động chung của tổ theo tuần, tháng, năm nhằm phục vụ cho việc thực hiện chương trình, kế hoạch dạy học và các hoạt động giáo dục khác của nhà trường;

b) Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc của các thành viên trong tổ theo kế hoạch của nhà trường;

c) Tham gia đánh giá, xếp loại viên chức; giới thiệu tổ trưởng, tổ phó;

d) Lưu trữ hồ sơ của trường.

3. Tổ văn phòng sinh hoạt định kỳ hai tuần một lần.

Điều 17. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng trường tiểu học là người chịu trách nhiệm tổ chức, quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường. Hiệu trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm đối với trường tiểu học công lập, công nhận đối với trường tiểu học tư thục theo đề nghị của Trưởng phòng giáo dục và đào tạo. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng trường công lập là 5 năm; hết nhiệm kỳ, Hiệu trưởng được luân chuyển đến một trường khác lân cận hoặc theo yêu cầu điều động. Hiệu trưởng chỉ được giao quản lý một trường tiểu học.

Sau mỗi năm học, Hiệu trưởng trường tiểu học được cấp có thẩm quyền đánh giá về công tác quản lý các hoạt động và chất lượng giáo dục của nhà trường.

2. Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm Hiệu trưởng trường tiểu học phải là giáo viên có thời gian dạy học ít nhất 3 năm ở cấp tiểu học, đã hoàn thành chương trình bồi dưỡng cán bộ quản lý, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý trường học và có sức khỏe. Trường hợp do yêu cầu đặc biệt của công

việc, người được bổ nhiệm hoặc công nhận Hiệu trưởng có thể có thời gian dạy học ít hơn theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu trưởng:

a) Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục từng năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

b) Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình cấp có thẩm quyền quyết định;

c) Phân công, quản lý, đánh giá, xếp loại; tham gia quá trình tuyển dụng, thuyên chuyển; khen thưởng, thi hành kỷ luật đối với giáo viên, nhân viên theo quy định;

d) Quản lý hành chính; quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường;

đ) Quản lý học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường; tiếp nhận, giới thiệu học sinh chuyên trường; quyết định khen thưởng, kỷ luật, phê duyệt kết quả đánh giá, xếp loại, danh sách học sinh lên lớp, ở lại lớp; tổ chức kiểm tra,

xác nhận việc hoàn thành chương trình tiểu học cho học sinh trong nhà trường và các đối tượng khác trên địa bàn trường phụ trách;

e) Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy bình quân 2 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định;

g) Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở và tạo điều kiện cho các tổ chức chính trị - xã hội trong nhà trường hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục;

h) Thực hiện xã hội hóa giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng.

Điều 18. Phó Hiệu trưởng

1. Phó Hiệu trưởng là người giúp việc cho Hiệu trưởng và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện bổ nhiệm đối với trường công lập, công nhận đối với trường tư thục theo đề nghị của Trưởng phòng giáo dục và đào tạo. Trường hạng I có 2 Phó Hiệu trưởng; trường hạng II, hạng III có 1 Phó Hiệu trưởng; trường tiểu học có từ 20 học sinh khuyết tật trở lên được bố trí thêm 1 Phó Hiệu trưởng. Các hạng I, II, III của trường tiểu học được quy định tại Thông tư số 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8

năm 2006 liên tịch Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ về hướng dẫn định mức biên chế viên chức ở các cơ sở giáo dục phổ thông công lập.

2. Người được bổ nhiệm hoặc công nhận làm Phó Hiệu trưởng trường tiểu học phải là giáo viên có thời gian dạy học ít nhất 2 năm ở cấp tiểu học, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chuyên môn, nghiệp vụ; có năng lực quản lý trường học và có sức khỏe. Trường hợp do yêu cầu đặc biệt của công việc, người được bổ nhiệm hoặc công nhận Phó Hiệu trưởng có thể có thời gian dạy học ít hơn theo quy định.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Hiệu trưởng:

a) Chịu trách nhiệm điều hành công việc do Hiệu trưởng phân công;

b) Điều hành hoạt động của nhà trường khi được Hiệu trưởng ủy quyền;

c) Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy bình quân 4 tiết trong một tuần; được hưởng chế độ phụ cấp và các chính sách ưu đãi theo quy định.

Điều 19. Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh

Tổng phụ trách Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (sau đây gọi là Tổng

phụ trách Đội) là giáo viên tiểu học được bồi dưỡng về công tác Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ Chí Minh.

Tổng phụ trách Đội có nhiệm vụ tổ chức, quản lý các hoạt động của Đội Thiếu niên và Sao Nhi đồng ở nhà trường và tổ chức, quản lý hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Mỗi trường tiểu học có một Tổng phụ trách Đội do Trưởng phòng giáo dục và đào tạo bổ nhiệm, theo đề nghị của Hiệu trưởng trường tiểu học.

Điều 20. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường đối với trường công lập, Hội đồng quản trị đối với trường tư thục được gọi chung là Hội đồng trường. Hội đồng trường là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Cơ cấu tổ chức, hoạt động và thủ tục thành lập Hội đồng trường tiểu học công lập:

a) Cơ cấu tổ chức:

Hội đồng trường tiểu học công lập gồm: đại diện tổ chức Đảng Cộng sản

Việt Nam, Ban giám hiệu (gồm Hiệu trưởng và Phó Hiệu trưởng), đại diện Công đoàn, đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, đại diện các tổ chuyên môn, đại diện tổ văn phòng;

Hội đồng trường có chủ tịch, thư ký và các thành viên khác. Chủ tịch Hội đồng trường công lập không đồng thời là Hiệu trưởng. Số lượng thành viên của Hội đồng trường từ 9 đến 11 người.

b) Hoạt động của Hội đồng trường:

Hội đồng trường họp thường kỳ ít nhất hai lần trong một năm. Trong trường hợp cần thiết, khi Hiệu trưởng hoặc ít nhất một phần ba số thành viên Hội đồng trường đề nghị, Chủ tịch Hội đồng trường có quyền triệu tập phiên họp bất thường để giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của nhà trường. Chủ tịch Hội đồng trường có thể mời đại diện chính quyền và đoàn thể địa phương tham dự cuộc họp của Hội đồng trường khi cần thiết;

Phiên họp Hội đồng trường được công nhận là họp lệ khi có mặt từ ba phần tư số thành viên của hội đồng trở lên (trong đó có Chủ tịch hội đồng). Nghị quyết của Hội đồng trường được thông qua và có hiệu lực khi được ít nhất hai phần ba

số thành viên có mặt nhất trí. Các nghị quyết của Hội đồng trường được công bố công khai trong toàn trường;

Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm thực hiện các nghị quyết hoặc kết luận của Hội đồng trường về những nội dung được quy định tại khoản 3 của Điều này. Khi Hiệu trưởng không nhất trí với nghị quyết hoặc kết luận của Hội đồng trường, phải kịp thời báo cáo xin ý kiến cơ quan quản lý giáo dục cấp trên trực tiếp. Trong khi chờ ý kiến của cấp trên, Hiệu trưởng vẫn phải thực hiện theo nghị quyết hoặc kết luận của Hội đồng trường đối với những vấn đề không trái với pháp luật hiện hành và Điều lệ trường tiểu học.

c) Thủ tục thành lập:

Căn cứ vào cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của Hội đồng trường, Hiệu trưởng tổng hợp danh sách nhân sự do tập thể giáo viên và các tổ chức, đoàn thể nhà trường giới thiệu, làm tờ trình đề nghị Phòng giáo dục và đào tạo trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định thành lập Hội đồng trường. Chủ tịch Hội đồng trường do các thành viên hội đồng bầu ra; thư ký hội đồng do Chủ tịch hội đồng chỉ định. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 5 năm; hằng năm, nếu có sự thay đổi về nhân sự, Hiệu

trưởng làm văn bản đề nghị cấp có thẩm quyền ra quyết định bổ sung, kiện toàn Hội đồng trường.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường tiểu học công lập:

a) Quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, các dự án, kế hoạch đầu tư và phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học;

b) Quyết nghị về tổ chức, nhân sự, tài chính, tài sản của nhà trường; giới thiệu người để bổ nhiệm làm Hiệu trưởng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

c) Giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng trường, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

4. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần, cơ cấu tổ chức, thủ tục thành lập và hoạt động của Hội đồng trường đối với trường tiểu học tư thục được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường tư thục thuộc các cấp học phổ thông.

Điều 21. Hội đồng thi đua khen thưởng, hội đồng tư vấn

1. Hội đồng thi đua khen thưởng do Hiệu trưởng thành lập vào đầu mỗi năm học. Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng

thi đua khen thưởng. Các thành viên của hội đồng gồm: Phó Hiệu trưởng, Bí thư Chi bộ Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Tổng phụ trách Đội, các giáo viên chủ nhiệm lớp, tổ trưởng tổ chuyên môn, tổ trưởng tổ văn phòng.

Hội đồng thi đua khen thưởng giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh nhà trường.

Hội đồng thi đua khen thưởng họp vào cuối học kỳ và cuối năm học.

2. Hiệu trưởng có thể thành lập các hội đồng tư vấn giúp hiệu trưởng về chuyên môn, quản lý. Nhiệm vụ, quyền hạn, thành phần và thời gian hoạt động của các hội đồng tư vấn do Hiệu trưởng quyết định.

Điều 22. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và đoàn thể trong trường

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong trường tiểu học lãnh đạo nhà trường và hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng.

2. Công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ

Chí Minh và các tổ chức xã hội khác hoạt động trong trường tiểu học theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu, nguyên lý giáo dục.

Điều 23. Quản lý tài sản, tài chính

1. Quản lý tài sản của trường tiểu học tuân theo các quy định của pháp luật. Mọi thành viên trong trường có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ tài sản nhà trường.

2. Việc quản lý thu, chi từ các nguồn tài chính của nhà trường thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chương III

CHƯƠNG TRÌNH VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Điều 24. Chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học

1. Trường tiểu học thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện kế hoạch thời gian năm học theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương.

2. Căn cứ vào kế hoạch dạy học và kế hoạch thời gian năm học, nhà trường cụ thể hóa các hoạt động giáo dục và giảng

dạy, xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tâm lý, sinh lý lứa tuổi học sinh và điều kiện của địa phương.

Học sinh dân tộc thiểu số được học tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình. Việc dạy và học tiếng nói, chữ viết của dân tộc thiểu số được thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Học sinh tàn tật, khuyết tật học hòa nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân và Quy định về giáo dục hòa nhập dành cho người tàn tật, khuyết tật.

Điều 25. Sách giáo khoa và tài liệu tham khảo

1. Sách giáo khoa được sử dụng chính thức trong giảng dạy, học tập ở trường tiểu học và các cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.

2. Nhà trường có trách nhiệm trang bị tài liệu tham khảo phục vụ cho hoạt động giảng dạy và nghiên cứu của giáo viên; khuyến khích giáo viên sử dụng tài liệu tham khảo để nâng cao chất lượng giáo dục.

3. Tài liệu học tập dành cho học sinh tàn tật, khuyết tật, học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn riêng.

Điều 26. Hoạt động giáo dục

1. Hoạt động giáo dục bao gồm hoạt động trên lớp và hoạt động ngoài giờ lên lớp nhằm rèn luyện đạo đức, phát triển năng lực, bồi dưỡng năng khiếu, giúp đỡ học sinh yếu kém phù hợp đặc điểm tâm lý, sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học.

2. Hoạt động giáo dục trên lớp được tiến hành thông qua việc dạy học các môn học bắt buộc và tự chọn.

3. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp bao gồm hoạt động ngoại khóa, hoạt động vui chơi, thể dục thể thao, tham quan du lịch, giao lưu văn hóa; hoạt động bảo vệ môi trường; lao động công ích và các hoạt động xã hội khác.

Điều 27. Hệ thống sổ sách phục vụ hoạt động giáo dục trong trường

1. Đối với nhà trường:

a) Sổ đăng bộ;

b) Sổ phổ cập giáo dục tiểu học;

c) Sổ nghị quyết;

d) Sổ kế hoạch công tác;

đ) Sổ kiểm tra, đánh giá giáo viên về công tác chuyên môn;

e) Sổ theo dõi kết quả kiểm tra, đánh giá học sinh; hồ sơ giáo dục đối với học sinh tàn tật, khuyết tật (nếu có);

g) Học bạ của học sinh;

h) Sổ khen thưởng, kỷ luật;

- i) Sổ quản lý tài sản, tài chính;
 - k) Sổ lưu trữ các văn bản, công văn.
2. Đối với giáo viên:
- a) Giáo án (bài soạn);
 - b) Sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và dự giờ;
 - c) Sổ chủ nhiệm (đối với giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp);
 - d) Sổ công tác Đội (đối với Tổng phụ trách Đội);
3. Đối với tổ chuyên môn: Sổ ghi nội dung các cuộc họp chuyên môn.

Điều 28. Đánh giá, xếp loại học sinh

1. Trường tiểu học tổ chức kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh trong quá trình học tập và rèn luyện theo Quy định về đánh giá, xếp loại học sinh tiểu học do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

2. Học sinh học hết chương trình tiểu học có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo thì được Hiệu trưởng trường tiểu học xác nhận trong học bạ việc hoàn thành chương trình tiểu học.

3. Đối với cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học, học sinh học hết chương trình tiểu học có đủ điều kiện theo quy định của Bộ trưởng

Bộ Giáo dục và Đào tạo thì Hiệu trưởng trường tiểu học được giao trách nhiệm bảo trợ và quản lý cơ sở giáo dục đó xác nhận trong học bạ việc hoàn thành chương trình tiểu học. Đối với học sinh do hoàn cảnh khó khăn không có điều kiện đến trường, theo học ở cơ sở khác trên địa bàn, được Hiệu trưởng trường tiểu học nơi tổ chức kiểm tra cấp giấy xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 29. Giữ gìn và phát huy truyền thống nhà trường

1. Mỗi trường tiểu học có một phòng truyền thống lưu giữ những tài liệu, hiện vật có liên quan tới việc thành lập và phát triển của nhà trường.

2. Mỗi trường tiểu học chọn một ngày trong năm làm ngày giáo dục truyền thống của trường.

Chương IV
GIÁO VIÊN

Điều 30. Giáo viên

Giáo viên là người làm nhiệm vụ giảng dạy, giáo dục học sinh trong trường tiểu học và cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học.

Điều 31. Nhiệm vụ của giáo viên

1. Giảng dạy, giáo dục đảm bảo chất lượng theo chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học; soạn bài, lên lớp, kiểm tra, đánh giá, xếp loại học sinh; quản lý học sinh trong các hoạt động giáo dục do nhà trường tổ chức; tham gia các hoạt động của tổ chuyên môn; chịu trách nhiệm về chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

2. Trau dồi đạo đức, nêu cao tinh thần trách nhiệm, giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; gương mẫu trước học sinh, thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng nhân cách của học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của học sinh; đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp.

3. Tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học ở địa phương.

4. Rèn luyện sức khỏe, học tập văn hóa, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ để nâng cao chất lượng, hiệu quả giảng dạy và giáo dục.

5. Thực hiện nghĩa vụ công dân, các quy định của pháp luật và của ngành, các quyết định của Hiệu trưởng; nhận nhiệm vụ do Hiệu trưởng phân công, chịu sự kiểm tra của Hiệu trưởng và các cấp quản lý giáo dục.

6. Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng Hồ

Chí Minh, với gia đình học sinh và các tổ chức xã hội có liên quan trong hoạt động giảng dạy và giáo dục.

7. Nhiệm vụ của Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Tổng phụ trách Đội được quy định cụ thể tại Điều 17, Điều 18, Điều 19 của Điều lệ này.

Điều 32. Quyền của giáo viên

1. Được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và giáo dục học sinh.

2. Được đào tạo nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ; được hưởng nguyên lương, phụ cấp và các chế độ khác theo quy định khi được cử đi học để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Được hưởng mọi quyền lợi về vật chất, tinh thần và được chăm sóc, bảo vệ sức khỏe theo chế độ, chính sách quy định đối với nhà giáo.

4. Được bảo vệ nhân phẩm, danh dự.

5. Được thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 33. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên

1. Trình độ chuẩn được đào tạo của giáo viên tiểu học là có bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm.

2. Giáo viên tiểu học có trình độ đào tạo trên chuẩn được hưởng chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước; được tạo điều kiện để phát huy tác dụng trong giảng dạy và giáo dục. Giáo viên chưa đạt trình độ chuẩn được đào tạo được nhà trường, các cơ quan quản lý giáo dục tạo điều kiện học tập, bồi dưỡng đạt trình độ chuẩn để bố trí công việc phù hợp.

Điều 34. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục của giáo viên

1. Hành vi, ngôn ngữ ứng xử của giáo viên phải chuẩn mực, có tác dụng giáo dục đối với học sinh.

2. Trang phục của giáo viên phải chỉnh tề, phù hợp với hoạt động sư phạm.

Điều 35. Các hành vi giáo viên không được làm

1. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, xâm phạm thân thể học sinh và đồng nghiệp.

2. Xuyên tạc nội dung giáo dục; dạy sai nội dung, kiến thức, không đúng với quan điểm, đường lối giáo dục của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

3. Cố ý đánh giá sai kết quả học tập, rèn luyện của học sinh.

4. Ép buộc học sinh học thêm để thu tiền.

5. Uống rượu, bia, hút thuốc lá khi tham gia các hoạt động giáo dục ở nhà trường, sử dụng điện thoại di động khi đang giảng dạy trên lớp.

6. Bỏ giờ, bỏ buổi dạy, tùy tiện cắt xén chương trình giáo dục.

Điều 36. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Giáo viên có thành tích được khen thưởng, được tặng danh hiệu thi đua và các danh hiệu cao quý khác theo quy định.

2. Giáo viên có hành vi vi phạm các quy định tại Điều lệ này thì tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý theo quy định.

Chương V HỌC SINH

Điều 37. Tuổi của học sinh tiểu học

1. Tuổi của học sinh tiểu học từ 6 đến 14 tuổi (tính theo năm).

2. Tuổi vào học lớp 1 là 6 tuổi; trẻ em bị tàn tật, khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em ở nước ngoài về nước có thể vào học lớp 1 ở độ tuổi từ 7 đến 9 tuổi.

3. Học sinh có thể lực tốt và phát triển sớm về trí tuệ có thể được học vượt lớp trong phạm vi cấp học. Thủ tục xem xét

đối với từng trường hợp cụ thể được thực hiện theo các bước sau:

a) Cha mẹ hoặc người đỡ đầu có đơn đề nghị với nhà trường;

b) Hiệu trưởng nhà trường lập hồ sơ đề nghị phòng giáo dục và đào tạo xem xét; Trường phòng giáo dục và đào tạo đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập hội đồng khảo sát, tư vấn, gồm: đại diện phòng giáo dục và đào tạo, phòng y tế, Ủy ban dân số, gia đình và trẻ em, chuyên gia tâm lý, Ban giám hiệu và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường;

c) Căn cứ kết quả khảo sát của hội đồng tư vấn, Trường phòng giáo dục và đào tạo đề nghị Giám đốc sở giáo dục và đào tạo xem xét, quyết định.

Điều 38. Nhiệm vụ của học sinh

1. Thực hiện đầy đủ và có kết quả hoạt động học tập; chấp hành nội quy nhà trường; đi học đều và đúng giờ; giữ gìn sách vở và đồ dùng học tập.

2. Kính trọng, lễ phép với thầy giáo, cô giáo, nhân viên và người lớn tuổi; đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ bạn bè và người tàn tật, khuyết tật.

3. Rèn luyện thân thể, giữ vệ sinh cá nhân.

4. Tham gia các hoạt động tập thể

trong và ngoài giờ lên lớp; giữ gìn, bảo vệ tài sản nơi công cộng; tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường, thực hiện trật tự an toàn giao thông.

5. Góp phần bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường.

Điều 39. Quyền của học sinh

1. Được học ở một trường, lớp hoặc cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học tại nơi cư trú; được chọn trường ngoài nơi cư trú nếu trường đó có khả năng tiếp nhận.

2. Được học vượt lớp, học lưu ban; được xác nhận hoàn thành chương trình tiểu học theo quy định.

3. Được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện.

4. Được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hòa nhập (đối với học sinh tàn tật, khuyết tật) theo quy định.

5. Được nhận học bổng và được hưởng chính sách xã hội theo quy định.

6. Được hưởng các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Các hành vi học sinh không được làm

1. Vô lễ, xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể người khác.

2. Gian dối trong học tập, kiểm tra.

3. Gây rối an ninh, trật tự trong nhà trường và nơi công cộng.

Điều 41. Khen thưởng và kỷ luật

1. Học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện được nhà trường và các cấp quản lý giáo dục khen thưởng theo các hình thức:

a) Khen trước lớp;

b) Khen thưởng danh hiệu học sinh giỏi, danh hiệu học sinh tiến tiến; khen thưởng học sinh đạt kết quả tốt cuối năm học về môn học hoặc hoạt động giáo dục khác;

c) Các hình thức khen thưởng khác.

2. Học sinh phạm khuyết điểm trong quá trình học tập và rèn luyện thì tùy theo mức độ vi phạm có thể thực hiện các biện pháp sau:

a) Nhắc nhở, phê bình;

b) Thông báo với gia đình.

Chương VI

TÀI SẢN CỦA NHÀ TRƯỜNG

Điều 42. Trường học

1. Địa điểm đặt trường phải đảm bảo các yêu cầu dưới đây.

a) Độ dài đường đi của học sinh đến trường: đối với khu vực thành phố, thị xã, thị trấn, khu công nghiệp, khu tái định cư không quá 500m; đối với khu vực ngoại thành, nông thôn không quá 1km; đối với vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không quá 2km;

b) Môi trường xung quanh không có tác động tiêu cực đối với việc giáo dục, giảng dạy, học tập và an toàn của giáo viên và học sinh.

2. Diện tích mặt bằng xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh và đặc điểm vùng miền với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh đối với khu vực nông thôn, miền núi, 6m² cho một học sinh đối với khu vực thành phố, thị xã. Đối với trường học 2 buổi trong ngày được tăng thêm diện tích để phục vụ các hoạt động giáo dục toàn diện. Mẫu thiết kế trường tiểu học được thực hiện cho từng vùng, theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Khuôn viên của trường phải có hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh) cao tối thiểu 1,5m. Cổng trường và hàng rào bảo vệ phải đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ. Tại cổng chính của trường phải có biển trường ghi bằng chữ rõ ràng, trang nhã, dễ đọc, theo nội dung

quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ này. Ngoài các khẩu hiệu chung, mỗi trường có thể chọn khẩu hiệu mang tính giáo dục và phù hợp với yêu cầu cụ thể của nhà trường trong từng năm học.

4. Cơ cấu khối công trình

a) Khối phòng học: số phòng học được xây dựng tương ứng với số lớp học của trường và đảm bảo mỗi lớp có một phòng học riêng;

b) Khối phòng phục vụ học tập:

- Phòng giáo dục rèn luyện thể chất hoặc nhà đa năng;

- Phòng giáo dục nghệ thuật;

- Thư viện;

- Phòng thiết bị giáo dục;

- Phòng truyền thống và hoạt động Đội;

- Phòng hỗ trợ giáo dục học sinh tàn tật, khuyết tật học hòa nhập.

c) Khối phòng hành chính quản trị:

- Phòng Hiệu trưởng (những trường quy mô lớn cần có phòng Phó Hiệu trưởng);

- Phòng giáo viên;

- Văn phòng;

- Phòng y tế học đường;

- Kho;

- Phòng thường trực, bảo vệ ở gần công trường.

d) Khu nhà ăn, nhà nghỉ đảm bảo điều kiện sức khỏe cho học sinh học bán trú (nếu có);

đ) Khu đất làm sân chơi, sân tập không dưới 30% diện tích mặt bằng của trường.

Sân chơi phải bằng phẳng, có đồ chơi, thiết bị vận động cho học sinh và cây bóng mát. Sân tập thể dục có hố nhảy cao, nhảy xa đúng tiêu chuẩn và đảm bảo an toàn cho học sinh;

e) Khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, giáo viên, học sinh; có khu vệ sinh riêng cho học sinh tàn tật, khuyết tật; khu chứa rác và hệ thống cấp thoát nước đảm bảo vệ sinh. Khuyến khích xây dựng khu vệ sinh riêng cho mỗi tầng nhà, mỗi dãy phòng học;

g) Khu để xe cho học sinh, giáo viên và nhân viên.

5. Đối với những trường chưa đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều này thì Hiệu trưởng nhà trường có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cải tạo trường lớp, báo cáo Trưởng phòng giáo dục và đào tạo đề trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết (đối với trường công lập) hoặc đề nghị Chủ tịch Hội

đồng quản trị giải quyết (đối với trường tư thục).

Điều 43. Phòng học

1. Phòng học phải đảm bảo đúng quy cách, đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho giáo viên và học sinh về vệ sinh trường học; có điều kiện tối thiểu dành cho học sinh tàn tật, khuyết tật học tập thuận lợi.

2. Phòng học có các thiết bị sau đây:

a) Bàn ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh;

b) Bàn ghế cho giáo viên;

c) Bảng lớp;

d) Hệ thống đèn và hệ thống quạt (ở nơi có điện);

đ) Hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Điều 44. Thư viện

1. Thư viện trường phải phục vụ cho việc giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh. Nhà trường tổ chức cho học sinh, theo từng loại đối tượng, được thuê, mượn sách giáo khoa, bảo đảm tất cả học sinh đều có sách giáo khoa để học tập; tổ chức tủ sách lưu động đưa đến các điểm trường.

2. Mỗi trường có một thư viện với các phương tiện, thiết bị cần thiết theo quy

định về Tiêu chuẩn Thư viện trường phổ thông do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 45. Thiết bị giáo dục

1. Trường được trang bị đủ thiết bị giáo dục, tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả thiết bị giáo dục trong giảng dạy và học tập theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Giáo viên có trách nhiệm sử dụng thiết bị giáo dục theo các yêu cầu về nội dung và phương pháp được quy định trong chương trình giáo dục.

Chương VII

NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

Điều 46. Ban đại diện cha mẹ học sinh

Trường tiểu học có Ban đại diện cha mẹ học sinh của từng lớp và Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 47. Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

1. Nhà trường phối hợp với chính quyền, đoàn thể địa phương, Ban đại diện cha mẹ học sinh của trường, các tổ

chức chính trị - xã hội và cá nhân có liên quan, nhằm:

a) Thống nhất quy mô, kế hoạch phát triển nhà trường, các biện pháp giáo dục học sinh và quan tâm giúp đỡ học sinh cá biệt;

b) Huy động mọi lực lượng và nguồn lực của cộng đồng góp phần xây dựng cơ sở vật chất, thiết bị giáo dục của nhà trường, chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, xây dựng phong trào học tập và môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; tạo điều kiện để học sinh được vui chơi, hoạt

động văn hóa, thể dục thể thao phù hợp với lứa tuổi.

2. Giáo viên chủ nhiệm liên hệ chặt chẽ với cha mẹ học sinh của lớp để: thông báo kết quả học tập của từng học sinh; thống nhất kế hoạch phối hợp giúp đỡ học sinh yếu kém, giáo dục học sinh cá biệt; biểu dương kịp thời học sinh nỗ lực học tập và rèn luyện tốt./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đặng Huỳnh Mai